

Nội dung bài viết

1. [Phân tích Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của bản Tuyên ngôn độc lập](#)
2. [Dàn ý Phân tích Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của bản Tuyên ngôn độc lập](#)
3. [Phân tích cơ sở pháp lý của bản Tuyên ngôn độc lập](#)
4. [Phân tích cơ sở thực tiễn của bản Tuyên ngôn độc lập](#)

Phân tích Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của bản Tuyên ngôn độc lập

Trong lịch sử văn học cũng như lịch sử dựng nước, giữ nước, chúng ta đã có ba bản tuyên ngôn độc lập: “Nam quốc sơn hà” (lý Thường Kiệt), “Đại cáo bình Ngô” (Nguyễn Trãi) và đặc biệt là “Tuyên ngôn độc lập” của Hồ Chí Minh. Đánh giá về giá trị của tác phẩm, các ý kiến đều thống nhất khi nhận định “Tuyên ngôn độc lập” vừa là một văn kiện lịch sử vô giá, vừa là một mẫu mực của văn chính luận. Phần nêu ***cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn cho bản tuyên ngôn*** là minh chứng tiêu biểu cho mẫu mực của nghệ thuật lập luận đó.

Ở phần mở đầu của bản tuyên ngôn, Hồ Chí Minh đã nêu những cơ sở pháp lý cho bản tuyên ngôn. Cụ thể, Người đã trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Mỹ và Pháp để làm căn cứ khẳng định quyền tự do, độc lập của dân tộc. Bản tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ viết: *“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”*. Sau này bản “Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Pháp” năm 1791 cũng nói: *“Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi”*.

Cả hai bản tuyên ngôn này đều khẳng định lẽ phải về quyền con người. Đó là hai bản tuyên ngôn nổi tiếng thế giới thế kỉ XVIII - di sản tư tưởng của nhân loại. Từ lẽ phải về quyền con người, Hồ Chí Minh nâng lên thành quyền dân tộc: *“Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới sinh ra đều bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”*.

Tác giả đã giúp thế giới hiểu rằng các dân tộc dù da đen hay da trắng, da đỏ hay da vàng đều bình đẳng như nhau vì tất cả họ đều là con người. Cách lập luận của Hồ Chí Minh thật khôn khéo vì tác giả đã sử dụng thủ pháp “gậy ông đập lưng ông” khi dùng lời của Pháp và Mỹ để nói với chính họ. Trong tranh luận không gì thú vị bằng dùng chính lời của đối phương để bác bỏ đối phương khiến họ rơi vào tình trạng “há miệng mắc quai”. Bác đã dùng cây gậy độc lập để đánh vào lưng những kẻ chuyên đi xâm lược, làm đổ máu và nước mắt của đồng loại mà cứ rêu rao về quyền tự do, bình đẳng.

Dẫn lời của Mỹ và Pháp lên đầu bản tuyên ngôn, người viết tỏ ra trân trọng, đề cao những tuyên ngôn thuộc về lẽ phải... vì thế tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của

nhân dân trên thế giới, đặc biệt là dư luận tiến bộ ở Pháp và Mỹ. Mặt khác, Hồ Chí Minh đã gián tiếp đặt ba bản tuyên ngôn ngang hàng nhau, ba nền độc lập ngang tầm nhau nhằm thể hiện niềm tự hào dân tộc. Cách lập luận ấy còn rất kiên quyết bởi mượn lời của Pháp và Mỹ, Bác đã ngầm cảnh cáo với bọn đế quốc thực dân rằng: Nếu chúng tiếp tục xâm lược Việt Nam có nghĩa là chúng đã phản bội lại truyền thống tư tưởng tốt đẹp của dân tộc, vấy bẩn lên lá cờ tự do bình đẳng bác ái mà cha ông họ đã từng giương cao. Hành động phi nghĩa ấy sẽ là nguyên nhân đẩy chúng vào kết cục bi thảm. Cách lập luận ở phần mở đầu của bản tuyên ngôn độc lập thật chặt chẽ, thuyết phục và sáng tạo. Đoạn văn mở đầu hết sức ngắn gọn, súc tích: chỉ có hai câu trích dẫn, một lời bình luận suy rộng ra, một lời khẳng định: “đó là những lẽ phải không ai chối cãi được” đã làm nổi bật cơ sở pháp lý vững chắc về quyền sống, quyền tự do dân tộc, tiêu biểu cho vẻ đẹp mẫu mực của văn chính luận Hồ Chí Minh. Nó như phát súng thổi bùng lên phong trào đấu tranh ở các nước thuộc địa trên thế giới.

Phần hai của bản tuyên ngôn lại làm nổi bật những cơ sở thực tiễn cho lời tuyên bố độc lập. Trước hết, Người đã lập ra một bản cáo trạng những tội ác của thực dân Pháp để phủ nhận công lao “khai hóa”, “bảo hộ” của chúng. Pháp nêu chiêu bài có công “khai hóa” ở Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng để hợp thức hóa việc quay trở lại Đông Dương và Việt Nam.

Hồ Chí Minh đã tố cáo tội ác về cả chính trị và kinh tế để đập tan luận điệu xảo trá, bịp bợm ấy: “Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào. Chúng thi hành những luật pháp dã man... làm nòi giống ta suy nhược”. Còn về kinh tế, chúng đã “bóc lột dân ta đến tận xương tủy... bóc lột công nhân một cách vô cùng tàn nhẫn”.

Pháp nêu chiêu bài có công “bảo hộ” Việt Nam, thì Hồ Chí Minh đã tố cáo những tội ác về quân sự để bác bỏ “công lao” đó của chúng: đó là khi phát xít Nhật xâm lăng Đông Dương, thực dân Pháp đã “quỳ gối đầu hàng mở cửa nước ta rước Nhật” và chỉ trong hai năm, Pháp đã bán nước ta hai lần cho Nhật. Khi thua trận, bị tước khí giới bởi Nhật, chúng còn nhẫn tâm giết hết số đông tù chính trị tại Cao Bằng. Bằng những lập luận chặt chẽ, lý lẽ đanh thép, dẫn chứng thật xác thực, ta có cảm giác Hồ Chí Minh đang lật lại bánh xe lịch sử để quay lại những tư liệu hết sức chân thực mà kẻ thù không thể chối cãi trong suốt 80 năm đô hộ Việt Nam. Tội ác ấy đã khiến cho hai triệu đồng bào ta chết đói, 95% dân số mù chữ,...

Ngôn ngữ và những hình tượng nghệ thuật được Người sử dụng vừa chính xác vừa truyền cảm: “chúng tẩm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu”. Câu văn cho thấy tội ác dã man của giặc, hành động đàn áp được diễn đạt bằng động từ “tẩm” đã cho thấy bộ mặt thật của bọn thực dân khát máu, tàn bạo, đồng thời diễn tả được nỗi đau thâm thẳm của người dân mất nước đang quần quai trong những “bể máu” đau thương. Thủ pháp điệp từ, điệp kiểu câu cũng được sử dụng vô cùng đắc địa. Những

câu văn mở đầu bằng từ “chúng” nặng như búa tạ giáng xuống đầu kẻ thù và gọi trong tim ta nỗi đau xót nhức nhối. Nghệ thuật liệt kê kết hợp với những động từ mạnh đã hệ thống hàng loạt những tội ác chồng chất mà thực dân Pháp đã gây ra cho mọi tầng lớp từ dân cày đến dân buôn, công nhân đến các nhà tư sản. Đó là tội ác mà “Trúc Lam Sơn không ghi hết tội/ Nước Đông Hải không rửa sạch mùi” (Nguyễn Trãi).

Không chỉ có thế, bản tuyên ngôn còn phản ánh quá trình đấu tranh giành độc lập, khẳng định tư thế chính nghĩa của nhân dân Việt Nam. Dân tộc Việt Nam không những có quyền hưởng tự do độc lập mà thực tế đã giành được quyền tự do độc lập. Trước hết, nhân dân Việt Nam có quyền hưởng tự do độc lập. Trong bao nhiêu năm qua, Việt Nam đã là dân tộc chịu nỗi đau xâm lược, còn Pháp là kẻ thù đi xâm lược. Nếu thực dân Pháp đã hèn hạ phản bội lại Đờng Minh, dâng Đông Dương cho Nhật thì nhân dân ta đã anh dũng đứng về phía Đờng Minh chống phát xít. Nếu thực dân Pháp hèn nhát, phản động, vô nhân đạo thì chúng ta luôn giữ thái độ khoan hồng, nhân đạo: “giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thùy, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ”. Đó là những việc làm cao thượng, những cử chỉ nhân nghĩa xứng đáng với truyền thống cao đẹp của dân tộc:

“Dem đại nghĩa để thắng hung tàn

Lấy chí nhân để thay cường bạo”

(Bình Ngô đại cáo).

Không chỉ có vậy, Việt Nam đã thực sự giành được quyền tự do, độc lập. Việt Nam đã không còn là thuộc địa của Pháp vì Pháp đã bán rẻ chúng ta cho Nhật. Và sau đó, nhân dân ta trong cuộc Cách mạng tháng tám đã giành chính quyền từ tay Nhật, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Đó là kết quả tất yếu của quá trình đấu tranh bền bỉ với những hi sinh xương máu. Câu văn “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị...” đã cho thấy ba kẻ thù bị đánh bại: thực dân, phát xít và phong kiến. Chín chữ ngắn gọn đã khái quát được gần một nghìn năm lịch sử với những sự kiện trọng yếu của dân tộc. Pháp hoảng hốt bỏ chạy, Nhật quy gối đầu hàng, Bảo Đại thì hai tay run rẩy trao ấn kiếm cho chính quyền Cách mạng, tất cả rác rưởi đã được quét dọn cho một quốc gia mới ra đời. Để khẳng định quyền dân tộc, Người đã sử dụng rất nhiều thủ pháp: điệp ngữ, điệp cấu trúc (những câu văn bắt đầu bằng cấu trúc “sự thật là...”) vang lên một cách đồng dục vừa khẳng định sự thực, vừa khẳng định chân lý. Hàng loạt các dẫn chứng xác thực không thể chối cãi được như tái hiện trước mắt chúng ta những chặng đường bi thương hào hùng của dân tộc.

Việc nêu những cơ sở pháp lý cũng như thực tiễn làm cơ sở cho lời tuyên ngôn độc lập là một công việc khó khăn nhất, rất khó để làm được một cách khôn khéo, thuyết

phục nhưng Hồ Chí Minh đã xử lý một cách khéo léo bằng những lập luận trí tuệ, sắc sảo, đầy sức thuyết phục. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của bản tuyên ngôn đã chứng minh “Tuyên ngôn độc lập” là áng văn chính luận mẫu mực, thể hiện được tài năng của người con ưu tú của dân tộc Việt Nam - chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Trên đây Đọc tài liệu đã gợi ý chi tiết dàn ý và văn mẫu phân tích cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của văn bản Tuyên ngôn độc lập được tuyển chọn, mong rằng các em sẽ hoàn thiện bài văn của mình tốt nhất nhé!

Dàn ý Phân tích Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của bản Tuyên ngôn độc lập

1. Mở bài

- Giới thiệu khái quát về “Tuyên ngôn độc lập”: vừa là một văn kiện lịch sử vô giá, vừa là một mẫu mực của văn chính luận.
- Khẳng định: Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn trong bản tuyên ngôn chính là minh chứng tiêu biểu cho mẫu mực của nghệ thuật lập luận.

2. Thân bài

Cơ sở pháp lý của bản tuyên ngôn

- + Hồ Chí Minh đã trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Mĩ và Pháp để làm căn cứ khẳng định quyền tự do, độc lập của dân tộc. Đó là hai bản tuyên ngôn nổi tiếng thế giới thế kỉ XVIII - di sản tư tưởng của nhân loại.
 - + Từ lẽ phải về quyền con người, Hồ Chí Minh nâng lên thành quyền dân tộc: “Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới sinh ra đều bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”. Tác giả đã giúp thế giới hiểu rằng các dân tộc đều bình đẳng như nhau vì tất cả họ đều là con người.
 - + Nghệ thuật lập luận: thủ pháp “gậy ông đập lưng ông”: dùng lời của Pháp và Mĩ để nói với chính họ. Dẫn lời của Mĩ và Pháp lên đầu bản tuyên ngôn, người viết tỏ ra trân trọng, đề cao những tuyên ngôn thuộc về lẽ phải... vì thế tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân trên thế giới, đặc biệt là dư luận tiến bộ ở Pháp và Mĩ.
 - + Mặt khác, Hồ Chí Minh đã gián tiếp đặt ba bản tuyên ngôn ngang hàng nhau, ba nền độc lập ngang tầm nhau nhằm thể hiện niềm tự hào dân tộc.
- => Cách lập luận ấy còn rất kiên quyết bởi mượn lời của Pháp và Mĩ, Bác đã ngầm cảnh cáo với bọn đế quốc thực dân rằng: Nếu chúng tiếp tục xâm lược Việt Nam có

nghĩa là chúng đã phản bội lại truyền thống tư tưởng tốt đẹp của dân tộc, vấy bẩn lên lá cờ tự do bình đẳng bác ái mà cha ông họ đã từng giương cao.

Cơ sở thực tiễn của bản tuyên ngôn

+ Bản cáo trạng những tội ác của thực dân Pháp để phủ nhận công lao “khai hóa”, “bảo hộ” của chúng

- Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào. Chúng thi hành những luật pháp dã man... làm nòi giống ta suy nhược.
- Về kinh tế, chúng đã “bóc lột dân ta đến tận xương tủy... bóc lột công nhân một cách vô cùng tàn nhẫn”.
- Tội ác về quân sự: đó là khi phát xít Nhật xâm lăng Đông Dương, thực dân Pháp đã “quỳ gối đầu hàng mở cửa nước ta rước Nhật” và chỉ trong hai năm, Pháp đã bán nước ta hai lần cho Nhật. Khi thua trận, bị tước khí giới bởi Nhật, chúng còn nhẫn tâm giết hết số đồng tù chính trị tại Cao Bằng.

+ Bản tuyên ngôn còn phản ánh quá trình đấu tranh giành độc lập, khẳng định tư thế chính nghĩa của nhân dân Việt Nam. Nhân dân Việt Nam có quyền hưởng tự do độc lập vì:

- Trong bao nhiêu năm qua, Việt Nam đã là dân tộc chịu nỗi đau xâm lược, còn Pháp là kẻ thù đi xâm lược.
- Nếu thực dân Pháp đã hèn hạ phản bội lại Đồng Minh, dâng Đông Dương cho Nhật thì nhân dân ta đã anh dũng đứng về phía Đồng Minh chống phát xít.
- Nếu thực dân Pháp hèn nhát, phản động, vô nhân đạo thì chúng ta luôn giữ thái độ khoan hồng, nhân đạo: “giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thùy, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ”.
- Không chỉ có vậy, Việt Nam đã thực sự giành được quyền tự do, độc lập. Việt Nam đã không còn là thuộc địa của Pháp vì Pháp đã bán rẻ chúng ta cho Nhật. Và sau đó, nhân dân ta trong cuộc Cách mạng tháng tám đã giành chính quyền từ tay Nhật, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.
- Để khẳng định quyền dân tộc, Người đã sử dụng rất nhiều thủ pháp: điệp ngữ, điệp cấu trúc (những câu văn bắt đầu bằng cấu trúc “sự thật là...”) vang lên một cách đồng loạt vừa khẳng định sự thực, vừa khẳng định chân lý. Hàng loạt các dẫn chứng xác thực không thể chối cãi được như tái hiện trước mắt chúng ta những chặng đường bi thương hào hùng của dân tộc.

+ Nghệ thuật lập luận:

- Ngôn ngữ và những hình tượng nghệ thuật vừa chính xác vừa truyền cảm: “chúng tằm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu”.

- Thủ pháp điệp từ, điệp kiểu câu cũng được sử dụng vô cùng đặc địa. Những câu văn mở đầu bằng từ “chúng” nặng như búa tạ giáng xuống đầu kẻ thù và gọi trong tim ta nỗi đau xót nhức nhối.
- Nghệ thuật liệt kê kết hợp với những động từ mạnh đã hệ thống hàng loạt những tội ác chồng chất mà thực dân Pháp đã gây ra cho mọi tầng lớp từ dân cày đến dân buôn, công nhân đến các nhà tư sản.

3. Kết bài

- Đánh giá lại giá trị của phần nêu cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của bản tuyên ngôn: góp phần làm nên áng văn chính luận mẫu mực, thể hiện tài năng nghệ thuật của Hồ Chí Minh.



Phân tích cơ sở pháp lý của bản Tuyên ngôn độc lập

Trong tranh luận, để bác bỏ luận điểm của một đối thủ nào đó không có gì đích đáng hơn là dùng ngay lí lẽ của chính đối thủ ấy. Người ta gọi đây là kiểu lập luận "Lấy gậy ông đập lưng ông". Mở đầu bản Tuyên ngôn của dân tộc Việt Nam, Bác đã nhắc tới hai bản Tuyên ngôn nổi tiếng thế kỉ XVIII, hai bản Tuyên ngôn đánh dấu buổi bình minh của Cách mạng Tư sản và nêu lên thành nguyên tắc pháp lí của những quyền sống cơ bản của con người. Đó là bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mĩ: "Tất cả mọi người sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc". Tiếp đó là bản "Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền" năm 1789 của Cách mạng Pháp: "Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi". Sau khi đã

dẫn xong lời của hai bản Tuyên ngôn, Bác đã nhấn mạnh: "Đó là lẽ phải, không ai chối cãi được". Như vậy là trên cơ sở xác định những nguyên tắc, những chuẩn mực mang tính chân lí muôn đời, Bác đã ngẫm vạch rõ sự sai trái trong mưu toan xâm lược của đế quốc Mĩ và thực dân Pháp đối với nước ta lúc ấy.

Về ý nghĩa, cách lập luận trên đây của Bác là khéo léo và kiên quyết: Khéo léo bởi vì rất trân trọng những tư tưởng tiến bộ của người Mĩ, người Pháp, cũng là của nhân loại nói chung; kiên quyết vì nhắc nhở người Mĩ, người Pháp nếu họ nhất định xâm lược Việt Nam thì họ đã phản bội tổ tiên của mình, đã làm vấy bẩn lá cờ nhân đạo của những cuộc cách mạng vĩ đại ở nước Mĩ, nước Pháp. Đáng chú ý là cái mới của bản Tuyên ngôn này: Nếu Tuyên ngôn của Mĩ và Pháp xuất phát từ quyền lực của tự nhiên (tạo hóa) để khẳng định quyền sống của con người thì Bác lại xuất phát từ quyền lực, chủ quyền của mỗi dân tộc để khẳng định quyền lợi của dân tộc đó. "Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và tự do". Trong hoàn cảnh đương thời, sự phát triển về lập luận như thế là hành động cách mạng táo bạo, tài tình, bởi vì mở đầu Tuyên ngôn của dân tộc Việt Nam mà nhắc tới nguyên tắc Tuyên ngôn của hai nước lớn là Pháp và Mĩ, đồng thời nêu rõ quan điểm tư tưởng của người Việt Nam thì cũng có nghĩa là đặt ba cuộc cách mạng ngang hàng nhau, ba nền độc lập ngang hàng nhau, ba bản Tuyên ngôn ngang hàng nhau. Tóm lại, việc khẳng định chủ quyền của mỗi dân tộc chính là cơ sở pháp lí vững chắc cho Tuyên ngôn Độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh. (...)

Phân tích cơ sở thực tiễn của bản Tuyên ngôn độc lập

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được khai sinh khi Hồ Chí Minh đọc bản "Tuyên ngôn Độc lập" ngày 2/ 9/1945 tại quảng trường Ba Đình trước hàng triệu đồng bào. Nếu ở phần đầu tác phẩm Hồ Chí Minh đưa ra bản "Tuyên ngôn độc lập" của Mĩ và "Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền" của Pháp để làm cơ sở pháp lý thì đến phần hai Người đã nêu lên cơ sở thực tế của bản tuyên ngôn.

Cơ sở ấy bắt nguồn từ việc Hồ Chí Minh tố cáo những tội ác của thực dân Pháp. Người đã liệt kê ra những hành động mà chúng đã thực hiện đối với dân tộc ta. Những việc chúng làm luôn đi ngược lại với chính nghĩa và lòng nhân đạo. Thực dân Pháp đã lợi dụng "lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái" để áp bức nhân dân ta, xâm chiếm lãnh thổ đất nước ta trong suốt hơn tám mươi năm nay. Những chính sách cai trị của chúng vô cùng hà khắc và tàn bạo.

Về chính trị, chúng "tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào", những nhà tù được chúng lập ra nhiều hơn cả trường học". Chúng "thẳng tay chém giết" những người con yêu nước của dân tộc. Chúng "thi hành chính sách ngu dân", làm giống nòi ta suy nhược bằng thuốc phiện và rượu cồn. Thực dân Pháp có dã tâm lớn khi lập ra ba chế độ chính trị khác nhau ở ba miền để ngăn không cho nước ta thống nhất và chia cách sự đoàn kết của nhân dân ta.

Về kinh tế, chúng "bóc lột nhân dân ta đến xương tủy", "cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu", đặt ra vô số thứ thuế vô lý khiến dân ta lâm vào tình cảnh khốn đốn, bần cùng. Độc ác nhất là chúng gây ra nạn đói năm 1945 giết chết hơn hai triệu đồng bào ta. Những thủ đoạn của chúng vô cùng tàn nhẫn bộc lộ bản chất vô nhân đạo. Đó là tội ác diệt chủng. Chúng muốn xóa bỏ nước ta trên bản đồ thế giới, muốn tiêu diệt hết nòi giống ta để chúng dễ bề xâm chiếm và cai trị. Chỉ trong vòng năm năm mà "chúng bán nước ta hai lần cho Nhật" vậy mà chúng còn kể công "bảo hộ", "khai hóa". Hơn thế nữa, chúng còn khẳng định Đông Dương là thuộc địa của mình trong khi sự thực thì chúng đã đầu hàng Nhật, Đông Dương trở thành thuộc địa của Nhật và nhân dân ta đã giành lại quyền tự do, độc lập từ tay phát xít Nhật chứ không phải từ tay thực dân Pháp. Chúng thắng tay khủng bố Việt Minh, "thậm chí đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng". Thủ đoạn của chúng không chỉ tàn nhẫn mà nhân cách của chúng còn đê tiện, trá trá. Tuy vậy, bằng lòng nhân đạo của mình, "sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thùy, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ". Nhân dân ta luôn dương cao lá cờ chính nghĩa và "vẫn giữ thái độ khoan hồng" với chính kẻ thù của mình. Còn thực dân Pháp thì tàn ác, vô nhân đạo, cuộc chiến tranh mà chúng gây ra cho dân tộc ta là một cuộc chiến tranh phi nghĩa. Chúng đã phản bội phe Đồng minh, bắt tay thông đồng với bọn phát xít để chúng mở rộng công cuộc xâm chiếm thuộc địa. Những từ ngữ "tuyệt đối không cho", "dã man", "thắng tay chém giết", "tắm", "bể máu", "bóc lột đến tận xương tủy",... đã thể hiện thái độ căm phẫn của tác giả trước những tội ác của chúng.

Qua việc vạch trần bản chất của thực dân Pháp, Hồ Chí Minh đã khẳng định tinh thần chiến đấu và truyền thống đoàn kết của dân tộc. Người tuyên bố "thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam". Chúng ta đã "lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật chứ không phải. Như vậy, nước ta không còn mối liên quan nào đến thực dân Pháp nữa. Chúng ta "một lòng kiên quyết chống lại âm mưu của chúng" và chúng ta cũng một lòng quyết chiến quyết thắng để giành lại nền độc lập, tự do cho dân tộc. Với những dẫn chứng, lý lẽ thuyết phục ấy các nước Đồng minh không thể không công nhận nền độc lập của dân tộc ta. Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập"! Từ cơ sở thực tiễn là những tội ác của thực dân Pháp, Người đã tuyên bố với toàn thể thế giới rằng: "Nước Việt Nam có quyền được hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã trở thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững vùng quyền tự do, độc lập ấy".

Với giọng điệu hùng hồn, đanh thép cùng những bằng chứng xác thực và cách lập luận chặt chẽ, cơ sở thực tế của bản tuyên ngôn nói riêng và toàn bộ bản tuyên ngôn của Hồ Chí Minh nói chung đã khẳng định nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, tự do. Đồng thời tác phẩm này cũng thể hiện phong cách chính luận của Người một cách rõ rệt.